

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

Câu 1: Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

Susan is looking for something

- A. eat B. to eating C. to eat D. eating

Câu 2: Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

..... your homework finished last night?

- A. Was B. Did C. Are D. Do

Câu 3: Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

It has a lot this week.

- A. rains B. raining C. to rain D. rained

Câu 4: Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

She used as a typist.

- A. work B. to work C. working D. to working

Câu 5: Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

I'm sure Bill the job. He has a lot of experiences.

- A. was getting B. getting C. had got D. will get

Câu 6: Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

If I were you, I a new car.

- A. will buy B. bought C. would buy D. buy

Câu 7: Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

We need more sugar. There is sugar in the pot.

- A. much B. many C. any D. little

Câu 8: Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

The teacher told the boys to stop

- A. play B. played C. playing D. being played

Câu 9: Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

This student is not very good Physics.

- A. at B. in C. with D. to

Câu 10: Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

Peter works for a factory makes motorbikes.

- A. what B. which C. who D. whom

Câu 11: Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

She will help you she has some free time.

- A. how B. where C. when D. what

Câu 12: Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

What is the name of the girl bicycle was stolen?

- A. whose B. who C. which D. when

Câu 13: Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

We are very fond folk music.

- A. in B. at C. with D. of

Câu 14: Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

My father is a He works in a garage.

- A. farmer B. mechanic C. teacher D. doctor

Câu 15: Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

John drives very ; he has never had any accidents.

- A. careful B. carefully C. carelessly D. careless

Câu 16: Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

Many people want for that job.

- A. to apply B. applying C. apply D. applied

Câu 17: Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

..... stamps is my hobby.

- A. Collect B. Collecting C. Collected D. Collection

Câu 18: Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

Do you mind the cooking?

- A. doing B. to do C. for doing D. do

Câu 19: Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

Would you like to the cinema?

- A. to go B. going C. gone D. go

Đọc kỹ bài khoá sau và chọn phương án đúng (ứng với A hoặc B, C, D) cho các câu từ 20 đến 24:

I was born in Newcastle, a city in the North East of England. Newcastle is on the bank of the River Tyne. It is quite big, with a population of about 200,000 people. There is a cathedral and a university. There are five bridges over the River Tyne, which link Newcastle to the next town, Gateshead, where there is one of the biggest shopping centres in the world. A few years ago, the main industries were shipbuilding and coalmining, but now the chemical and soap industries are important. I moved to London ten years ago but I often return to Newcastle. I miss the people, who are very friendly, and I miss the beautiful countryside near the city, where there are so many hills and streams.

Câu 20: Newcastle is

- A. a city near the North East of England B. a small town in England
C. a city in the North East of England D. a city in the North of England

Câu 21: The population of Newcastle is

- A. 200,000 people B. much less than 200,000 people
C. much more than 200,000 people D. about 200,000 people

Câu 22: Gateshead has one of in the world.

- A. the largest rivers B. the most important shipbuilding industries
C. the most beautiful countrysides D. the biggest shopping centres

Câu 23: According to the passage, the writer

- A. is still living in Newcastle B. has never returned to Newcastle
C. doesn't live in Newcastle any more D. has come back to live in Newcastle

Câu 24: Which of the following is NOT true about Newcastle?

- A. Its people are friendly. B. Its main industry now is shipbuilding.
C. It has a cathedral and a university. D. It is next to Gateshead.

Câu 25: Xác định từ có gạch dưới cần phải sửa, để câu sau trở thành chính xác:

I like pupils who works very hard.

- A B C D

Câu 26: Xác định từ/cụm từ có gạch dưới cần phải sửa, để câu sau trở thành chính xác:

My uncle lived in Hanoi since 1990 to 1998, but he is now living in Hue.

- A B C D

Câu 27: Xác định từ/cụm từ có gạch dưới cần phải sửa, để câu sau trở thành chính xác:

I'd like to go on a holiday, but I haven't got many money.

- A B C D

Câu 28: Chọn câu (ứng với A hoặc B, C, D) diễn đạt đúng nghĩa câu sau:

Every day I spend 30 minutes watering the flowers.

- A. Every day it takes me 30 minutes water the flowers.
B. Every day it takes me 30 minutes to water the flowers.
C. Every day it took me 30 minutes water the flowers.
D. Every day it took me 30 minutes to water the flowers.

Câu 29: Chọn câu (ứng với A hoặc B, C, D) diễn đạt đúng nghĩa câu sau:

Learning English is not easy.

A. It is not easy to learning English.

B. It is easy learning English.

C. It is not easy to learn English.

D. It is not difficult to learn English.

Câu 30: Chọn cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

- "When?" - "In 1928."

A. penicillin was discovered

B. did penicillin discovered

C. was penicillin discovered

D. did penicillin discover

Câu 31: Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

Sara speaks so that I can't understand her.

A. fast

B. fastly

C. faster

D. fastest

Câu 32: Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

Each student the lesson very well.

A. understand

B. understands

C. understanding

D. to understand

Câu 33: Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

It began to rain while he

A. was fishing

B. is fishing

C. fishes

D. has fished

Câu 34: Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

That book is, so I don't want to read it.

A. bored

B. bore

C. boringly

D. boring

Câu 35: Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

Nam is 5 years than Hoa.

A. old

B. older

C. elder

D. eldest

Câu 36: Chọn từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

You'll fail the exam you learn harder.

A. if

B. unless

C. where

D. or

Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để điền vào chỗ trống trong bài khoá sau, từ câu 37 đến câu 46:

As you turn on the radio for your favourite music programme, do you ever wonder how you can(37)... those sounds? How do they travel through the air and ...(38)... your radio exactly as they are sent out?

It all began nearly a hundred years ago when a young Italian called Guglielmo Marconi discovered(39)..... to send sounds through the air. Marconi was born in Bologna(40)..... northern Italy, in 1874. His father was a rich Italian businessman, and his mother was a Scot(41)..... had lived in Ireland and had gone to Italy to study music. The family lived in a country house just outside Bologna.

.....(42)..... he was a boy, people did not think that Marconi was clever. He was a quiet boy who spoke little(43)..... thought a lot. He liked to sit and read science books(44)..... his father's big library. He also loved to(45)..... experiments with electricity. For most of his early life, he was(46)..... at home. He did not go to school.

Câu 37: A. hear

B. see

C. smell

D. look

Câu 38: A. make

B. reach

C. travel

D. go

Câu 39: A. how

B. how much

C. how many

D. how can

Câu 40: A. in

B. on

C. at

D. to

Câu 41: A. whom

B. which

C. who

D. whose

Câu 42: A. If

B. Where

C. So

D. When

Câu 43: A. because

B. but

C. for

D. as

Câu 44: A. on

B. from

C. in

D. by

Câu 45: A. do

B. run

C. open

D. read

Câu 46: A. made

B. taught

C. discovered

D. invented

Câu 47: Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

My parents are interested in football matches on TV.

- A. watching B. to watch C. watched D. watch

Câu 48: Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

Jane to me twice a month.

- A. was writing B. are writting C. was written D. writes

Câu 49: Chọn từ/cụm từ thích hợp (ứng với A hoặc B, C, D) để hoàn thành câu sau:

Mary is the student in my class.

- A. tallest B. taller C. tall D. as tall as

Câu 50: Xác định từ/cụm từ có gạch dưới cần phải sửa, để câu sau trở thành chính xác:

I was listening to the radio last night when the door bell rings.

A

B

C

D

----- HẾT -----